|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT NGUYỄN VĂN CỪ** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP****MÔN: LỊCH SỬ****KHỐI 12** |

**BÀI 22:NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ XÂM LƯỢC, NHÂN DÂN MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU VỪA SẢN XUẤT**

 **(1965-1973)**

**1.Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ ở miền Nam (Âm mưu và hành động mới của Mĩ)**

*\* Âm mưu*:

- Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” bị phá sản, Mĩ phải chuyển sang *chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam* và mở rộng *chiến tranh phá hoại miền Bắc* bằng không quân và hải quân
- Đây là hình thức *chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng lực lượng quân Mĩ, quân một số nước đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn* => (Mĩ hóa chiến tranh)

*- Mục tiêu*: cố *giành lại thế chủ động trên chiến trường*, buộc ta phân tán đánh nhỏ hoặc rút về biên giới.
*\* Hành động* (Thủ đoạn)
- Dựa vào ưu thế quân sự *mở cuộc hành quân “tìm diệt*” vào căn cứ quân giải phóng ở Vạn Tường (Quảng Ngãi).
- Mở 2 cuộc *phản công chiến lược* trong 2 mùa khô (1965-1966 và 1966-1967) bằng hàng loạt cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” *vào vùng “đất thánh của Việt cộng”.*

**2. Quân dân miền Nam chiến đấu chống “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ**
*\* Mặt trận quân sự:*
- *Chiến thắng Vạn Tường*: 18/8/1965, ta đánh bại cuộc hành quân của địch vào Vạn Tường (Q.Ngãi). Vạn Tường chứng tỏ ta hoàn toàn có đủ khả năng đánh bại chiến lược “CTCB”, được coi là “Ấp Bắc” đối với quân Mĩ. Mở đầu *cao trào “Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt”* trên khắp MN.
*- Mùa khô 1965 - 1966*, ta đập tan cuộc phản công chiến lược của địch vào Đông Nam Bộ và Liên khu V (với 450 cuộc hành quân)

*- Mùa khô 1966 - 1967*, ta tiếp tục đập tan cuộc phản công chiến lược lần 2 của địch (với 895 cuộc h/q), trong đó có *3 cuộc hành quân lớn* (*lớn nhất là cuộc hành quân Gian xơn xiti*) đánh vào căn cứ Dương Minh Châu, *nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não của ta.*
- Ở nông thôn, quần chúng tiếp tục phá vỡ từng mảng “Ấp chiến lược”; Ở thành thị, phong trào đấu tranh đòi Mĩ rút về nước diễn ra sôi nổi. Vùng giải phóng được mở rộng.
*- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968:* Xuân 1968, ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, *trọng tâm là các đô thị*.

+ Mặc dù còn 1 số hạn chế, song cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 đó đánh đòn bất ngờ, làm *lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ*, buộc Mĩ phải *tuyên bố “Phi Mĩ hóa”* chiến tranh (Tức thừa nhận t/bại của “CTCB”), chấm dứt CT phá hoại MB, *chấp nhận ngồi vào đàm phán* với ta ở Pari. Mở ra bước ngoặt của cuộc k/c chống Mĩ:
**3. Miền Bắc vừa chiến đấu chống CTPH lần thứ nhất của Mĩ, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương (1965-1968)**
**a. Mĩ tiến hành CT bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc**

-CT phá hoại MB lần thứ nhất của Mĩ bắt đầu từ ngày 5/8/1964 và chính thức ngày 7/2/1965
*- Âm mưu của Mĩ trong chiến tranh phá hoại MB lần 1*
 + Phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng và công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.
 + Ngăn chặn nguồn chi viện bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam.
 + Uy hiếp tinh thần và làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ta.
*- Thủ đoạn:*
+ Mĩ dựng lên *“sự kiện Vịnh Bắc Bộ*” (8/1964), sau đó *lấy cớ “trả đũa”* quân giải phóng miền Nam tiến công quân Mĩ ở Plâyku (2/1965), chính thức gây CT phá hoại MB lần I.
**b. Miền Bắc vừa chiến đấu chống CT phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương:**
*\* Những thành tích đạt được:*
- Chiến đấu: (từ 5/8/1964 đến 1/11/1968): hạ 3.243 mbay (6 B52, 3 F111), 143 tàu chiến. Mĩ phải ngừng ném bom phá hoại miền Bắc.
- Sản xuất: diện tích canh tác mở rộng, năng suất không ngừng tăng lên; CN địa phương và CN quốc phòng phát triển; GTVT vẫn đảm bảo thông suốt.
- Hậu phương: Trong 4 năm (1965 - 1968), qua 2 tuyến đường chiến lược Hồ Chí Minh trên bộ và trên biển (khai thông từ năm 1959), MB đưa vào MN hơn 30 vạn cán bộ, bộ đội, hàng chục vạn tấn vật chất, tăng gấp 10 lần so với trước, góp phần quyết định vào thắng lợi của quân dân MN trong chiến đấu chống “CT cục bộ”.
**4. Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược “VN hóa chiến tranh” và “ĐD hóa chiến tranh” của Mĩ (1969-1973)**
**\* Âm mưu**

- Đầu 1969, sau thất bại của “CTCB”, Mĩ chuyển sang thực hiện “VNH CT” và mở rộng CT ra toàn ĐD, thực hiện “ĐD hóa chiến tranh”.
- “VNH CT” vẫn là hình thức CT xâm lược thực dân mới của Mĩ, được tiến hành *bằng quân đội SG là chủ yếu, có sự phối hợp về không quân, hỏa lực, hậu cần của Mĩ và vẫn do cố vấn Mĩ chỉ huy.*- Tiếp tục *âm mưu “Dùng người Việt đánh người Việt*”, và mở rộng “Dùng người ĐD đánh người ĐD” để giảm xương máu người Mĩ trên chiến trường.

**\* Thủ đoạn**
*- Quân đội Sài Gòn được sử dụng như 1 lực lượng xung kích* để mở rộng xâm lược CPC (1970) và tăng cường xâm lược Lào (1971).
- Mĩ còn sử dụng *thủ đoạn ngoại giao* như thỏa hiệp với TQ, hòa hoãn với LX để hạn chế sự giúp đỡ của TQ, LX đối với cuộc k/c của VN.
**5. Chiến đấu chống chiến lược “VN hóa chiến tranh” và “ĐD hóa chiến tranh” của Mĩ**
- *Ngày 6/6/1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa MN VN* thành lập, là chính phủ hợp pháp của NDMN, được nhiều nước công nhận.
- Ngày 24 và 25/4/1970, *HN cấp cao 3 nước Đông Dương họp*, biểu thị quyết tâm đoàn kết chống Mĩ.
- Ở các thành thị, phong trào của các tầng lớp nhân dân nổ ra liên tục, nhất là phong trào học sinh, sinh viên ở Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng.
- Quần chúng khắp nơi tiếp tục nổi dậy chống “bình định”, phá “ấp chiến lược”. Đầu 1971, cách mạng làm chủ thêm 3.600 ấp với 3 triệu dân.
- Từ 30/4 -> 30/6/1970, quân đội VN phối hợp với quân dân CPC *đập tan cuộc hành quân xâm lược CPC của 10 vạn quân Mĩ và quân SG*

- Tháng 2, 3/1971 quân đội VN và quân dân Lào *đập tan cuộc hành quân “Lam sơn - 719*” của quân Mĩ - SG ở đường 9 – Nam Lào, giữ vững hành lang chiến lược của 3 nước ĐD

*- Cuộc tiến công chiến lược 1972:*

+ Từ 30/3/1972, ta mở cuộc *tiến công chiến lược đánh vào Quảng Trị,* lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chiến lược chủ yếu, rồi phát triển khắp MN

+ Sau 3 tháng, ta *chọc thủng 3 phòng tuyến phòng thủ mạnh nhất của địch là Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ*

+ Giáng 1 đòn nặng nề vào chiến lược “VNHCT”, buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của chiến lược “VNHCT”).

**6. Nhân dân MB chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ 2 của Mĩ.**

- Ngoài âm mưu như lần I (...), Mĩ còn nhằm cứu nguy cho “VNH CT” và tạo thế mạnh trên bàn đàm phán ở Pari.
*- Thủ đoạn*: Vượt xa lần I về quy mô, tốc độ, cường độ đánh phá; sử dụng các máy bay hiện đại nhất (B52, F111).
*- Thời gian:* Từ 6/4/1972, chính thức từ 16/4/1972 cho đến 15/1/1973.
*- Kết quả:*

 + Ta đánh trả không quân Mĩ những đòn đích đáng, bắn rơi 81 máy bay

 + Đập tan cuộc tập kích chiến lược đường hàng không bằng B52 vào Hà Nội, Hải Phũng trong 12 ngày đêm (từ 18/12 đến 29/12), làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không”

*-Ý nghĩa:*

 + Thắng lợi của quân dân MB trong chiến đấu chống CT phá hoại lần thứ 2 của Mĩ, đỉnh cao là trận “ĐBP trên không”là thắng lợi quyết định buộc Mĩ phải tuyên bố.ngừng hẳn các hoạt động chống phá MB (15/1/1973) và kí HĐ Pari chấm dứt CT, lập lại hòa bình ở VN (27/1/1973).
*- MB làm nghĩa vụ hậu phương lớn:* Trong điều kiện chiến tranh ác liệt, MB vẫn đảm bảo tiếp nhận viện trợ tốt từ bên ngoài vào và chi viện cho MN, có cả Lào và CPC, hàng chục vạn thanh niên nhập ngũ, vào chiến trường; khối lượng vật chất đưa vào các chiến trường tăng gấp 1, 6 lần...
**7. Hiệp định Pari 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam** *- Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972 của quân dân miền Bắc đã có ý nghĩa quyết định buộc Mĩ kí H/định Pari chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở VN (27/1/1973).
\* Nội dung Hiệp định Pari:*
- Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
- Hai bên ngừng bắn ở miền Nam vào 24 giờ ngày 27/1/1973, Hoa Kì cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc Việt Nam.
- Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân các nước đồng minh, cam kết không dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.
- Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.

-Các bên công nhận thực tế MNVN có 2 chính quyền, 2 quân đội, 2 vùng kiểm soát và 3 lực lượng chính trị

- Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt
*\* Ý nghĩa:*
- Hiệp định Pari là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, là kết quả cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của quân dân 2 miền, *mở ra bước ngoặt mới cho cuộc k/c chống Mĩ cứu nước.*- *Là văn bản pháp lí quốc tế, Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta*, rút hết quân về nước.

- Với H/đ Pari ta *đó hoàn thành nhiệm vụ đánh cho “Mĩ cút”,* tạo đ/k thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho “ngụy nhào” giải phóng MN thống nhất đ/n

**Bài 23**

**KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC,**

 **GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973-1975)**

**1. MN đấu tranh chống địch “bình định – lấn chiếm”, tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn**

- *Ngày 29/3/1973, Mĩ rút quân về nước*, nhưng vẫn giữ lại 2 vạn cố vấn quân sự, lập Bộ chỉ huy quân sự, tiếp tục viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.

- Chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại Hiệp định Paris, tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, mở những cuộc hành quân “bình định - lấn chiếm” vùng giải phóng của ta, *tiếp tục chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.*

**2. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng (7/1973) và chiến thắng Phước Long**

- Tháng 7/1973, *Hội nghị Trung ương lần thứ 21* nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là *tiếp tục cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân bằng con đường cách mạng bạo lực, phải nắm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên cả ba mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao***.**

*- Chiến thắng Phước Long:*

 + Cuối năm 1974 đầu năm 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự ở Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ, giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch Đường 14 - Phước Long, giải phóng Đường 14, thị xã và toàn tỉnh Phước Long.

+ Chính quyền Sài Gòn phản ứng mạnh, đưa quân chiếm lại nhưng thất bại, còn Mĩ chỉ phản ứng yếu ớt, dùng áp lực đe dọa từ xa.

+ CT Phước Long cho thấy rõ sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của ta, sự suy yếu và bất lực của quân dội SG và khả năng can thiệp trở lại rất hạn chế của Mĩ.

**3.Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam**

- **Cuối năm 1974 đầu năm 1975**, trong tình hình *so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi* có lợi cho cách mạng (Mĩ phải rút quân về nước)

- *Chiến thắng PL và tình hình chiến sự sau PL đó khẳng định* thếm quyết tâm của Bộ chính trị đề ra kế hoạch giải phóng MN

*- Nội dung:*

+ Bộ chính trị Trung ương Đảng đề ra *kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976.*

- Nhưng nhấn mạnh “*cả năm 1975 là thời cơ” và “nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”*

- Cần tranh thủ thời cơ đánh nhanh thắng nhanh đỡ thiệt hại về người và của, giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh

**4. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuõn 1975 (**diễn ra gần 2 tháng từ 4/3 đến 2/5/1975) với 3 chiến dịch lớn

***a. Chiến dịch Tây Nguyên (4/3 đến 24/3/1975)***

*-* Tây Nguyên là *địa bàn chiến lược quan trọng*. Nhưng *do nhận định sai* hướng tiến công của ta, địch chốt giữ ở đây một lực lượng mỏng. Bộ Chính trị quyết định chọn *Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975*. Trận mở màn then chốt: *Buôn Ma Thuột*

- Ngày 4/3, *đánh nghi binh ở Kom Tum, Plâyku* nhằm thu hút chủ lực địch

- Ngày ***10/3/1975****, ta tiến công và giải phóng Buôn Ma Thuột*. Ngày 12/3, địch phản công chiếm lại nhưng không thành.

- Ngày 14/3/1975, địch ra lệnh rút quân khỏi Tây Nguyên về giữ vùng duyên hải miền Trung. Trên đường rút chạy, chúng bị quân ta truy kích tiêu diệt.

- *Ngày 24/3/1975, ta giải phóng Tây Nguyên* với 60 vạn dân.

**\* Ý nghĩa:** Chiến dịch Tây Nguyên đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang giai đoạn mới: từ *tiến công chiến lược ở Tây Nguyên* phát triển thành *Tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.*

 **b. Chiến dịch Huế** **-** **Đà Nẵng (21/3 đến 29/3/1975)**

- Trong khi chiến dịch Tây Nguyên tiếp diễn, Bộ chính trị quyết định *giải phóng hoàn toàn miền Nam, trước hết là chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng.*

- Phát hiện địch co cụm ở Huế, ngày *21/03 ta đánh thẳng vào căn cứ*, chặn đường rút chạy và bao vây địch trong thành phố.

- 25/03, ta tấn công vào Huế*, (26/03) giải phóng Huế và toàn tỉnh Thừa Thiên.*

- Đà Nẵng thành phố lớn thứ 2 của MN rơi vào thế cô lập, hơn 10 vạn quân địch bị dồn ứ về đây trở nên hỗn loạn, mất hết khả năng chiến đấu.

- Sáng **29/3** *quân ta tiến công Đà Nẵng*, đến 3 giờ chiều ta *giải phóng thành phố*.

- Cuối tháng 3 đầu tháng 4, các tỉnh còn lại ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên, một số tỉnh ở Nam Bộ lần lượt được giải phóng.

- Chiến thắng Huế - ĐN gây nên tâm lí tuyệt vọng trong ngụy quân, ngụy quyền, đưa cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của ta lên *1 bước mới với sức mạnh áp đảo*

**c. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (26/4 đến 30/4/1975)**

- Sau thắng lợi của hai chiến dịch, Bộ chính trị quyết định giải phóng SG và toàn MN trước mùa mưa năm 1975 (trước tháng 5/1975)

- Phương châm “ thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”.

- Chiến dịch giải phóng Sài Gòn được Bộ Chính trị quyết định mang tên “*Chiến dịch Hồ Chí Minh”.*

- Trước khi mở chiến dịch HCM**,** quân ta đánh Xuân Lôc, Phan Rang - những căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch để bảo vệ phía đông Sài Gòn, giải phóng Phan Rang (16/4/1975), Xuân Lộc (21/4).

*- 17 giờ ngày 26/4****,*** *quân ta mở đầu chiến dịch*, 5 cánh quân tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch.

*- 10 giờ 45 phút ngày 30/4***,** xe tăng của ta *tiến vào Dinh Độc Lập*, bắt sống toàn bộ Chính phủ Trung ương Sài Gòn. Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện.

- **11 giờ 30 phút** cùng ngày, *lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập*, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

- Các tỉnh còn lại của Nam Bộ, nhân dân đã nhất tề nổi dậy và tiến công theo phương thức xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh.

- **Ngày 2/5/1975,** miền Nam hoàn toàn giải phóng.

**5. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975)**

***a. Nguyên nhân thắng lợi***

*- Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh* với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, phương pháp đấu tranh linh hoạt, kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao. (*quan trọng nhất*)

*- Nhân dân ta giàu lòng yêu nước,* đoàn kết nhất trí, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm.

- Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh.

- Tình đoàn kết chiến đấu của ba dân tộc ở Đông Dương.

- Sự, giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới (trong đó có nhân dân Mĩ).

***2. Ý nghĩa***

- Kết thúc *21 năm chiến đấu chống Mĩ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc*, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến ở nước ta, *hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước.*

- Mở ra một *kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc: đất nước độc lập, thống nhất, đi lên CNXH.*

- *Tác động mạnh* đến tình hình *nước Mĩ và thế giới*, cổ vũ phong trào cách mạng thế giới, nhất là phong trào giải phóng dân tộc.

-Thắng lợi đó”*mãi mãi được ghi vào l/s dân tộc ta 1 trong những trang chói lọi nhất, 1 biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, đi vào l/s thế giới như 1 chiến công vĩ đại của thế kỉ XX, 1 sự kiện có tầm quan trọng quốc tế và tính thời đại sâu sắc”*

**Bài 24**.

***VIỆT NAM TRONG NĂM ĐẦU SAU THẮNG LỢI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC (1975)***

1. ***Tình hình 2 miền N-B sau năm 1975***

***- Miền Bắc:***

***+*** Qua hơn 20 năm (1954 **-**1975) tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Bắc đã xây dựng được những cơ sở vật chất-kĩ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội.

+ Nhưng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mĩ, đó tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài đối với miền Bắc.
***- Miền Nam***
+ Đó hoàn toàn giải phóng, nhưng cuộc chiến tranh đó gây ra hậu quả nặng nề. …

+ Miền Nam có nền kinh tế trong chừng mực nhất định phát triển theo hướng tư bản, song về cơ bản vẫn mang tính chất của nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ và phân tán, phát triển mất cân đối, lệ thuộc nặng nề vào viện trợ từ bên ngoài.

+ Chính quyền địch ở địa phương và những di hại của nó vẫn tồn tại..

**2.Hoàn thành thống nhất đ/n về mặt nhà nước (1975-1976):** là nhiệm vụ quan trọng trước mắt của cách mạng Việt Nam sau 1975.
*\* Hoàn cảnh lịch sử:*
+ Sau Đại thắng mùa xuân 1975, Tổ quốc VN được thống nhất về mặt lãnh thổ, song mỗi miền vẫn tồn tại những hình thức tổ chức nhà nước khác nhau. Việc t/n đất nước về mặt nhà nước trở nên cấp thiết.
*\* Quá trình thống nhất (diễn ra từ tháng 9/1975 đến tháng 7/1976)*

+ Tháng 9-1975 Hội nghị Trung ương Đảng lần 24 đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
+ Tháng 11/1975, tại Sài Gòn diễn ra Hội nghị Hiệp thương chính trị 2 miền, nhất trớ hoàn toàn về chủ trương. Biện pháp nhằm thống nhất đ/n về mặt nhà nước

+ Từ 25/4//1976, trên cả nước diễn ra cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa VI
+ Cuối tháng 6 đầu tháng 7/1976, QH khóa VI họp phiên đầu tiên, quyết định những vấn đề quan trọng:

 - Thông qua chính sách đối nội, đối ngoại

 - Tên nước: CHXHCN Việt Nam, Quốc huy mang dũng chữ *Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*; Quốc kỳ là lá *cờ đỏ sao vàng;* Quốc ca là bài *Tiến quân ca*.
 - Hà Nội là thủ đô, Thành phố Sài Gòn - Gia Định đổi tên là Thành phố HCM.
 - Bầu các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của Việt Nam thống nhất, bầu Ban dự thảo hiến pháp
 - 18/12/1980: Quốc hội thông qua Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.
 - 20-9-1977 Việt Nam là thành viên thứ 149 của Liên Hiệp Quốc.
*\* Ý nghĩa* (Với kỳ họp thứ nhất QH khóa VI, công cuộc thống nhất về mặt nhà nước đã hoàn thành)
 - Là yêu cầu tất yếu, khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam.
 - Thống nhất đất nước về mặt nhà nước đó thể chế hóa thống nhất lãnh thổ.
 - Tạo cơ sở pháp lý để hoàn thành thống nhất đất nước trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, văn hóa.
 - Tạo điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn dân và cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

**BÀI 26.**

**ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI**

**ĐI LÊNCHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1986 - 2000)**

**1. Hoàn cảnh lịch sử của công cuộc đổi mới**

**a. Chủ quan**

- Trong thời gian thực hiện hai kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1985), cách mạng XHCN ở nước ta đạt nhiều thành tựu và ưu điểm đáng kể, song còng gặp không ít khó khăn, khiến đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước kết là về kinh tế – xã hội.

- Nguyên nhân cơ bản: do ta mắc phải “sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện”

*- Để khắc phục sai lầm, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng*, Đảng và nhà nước ta phải tiến hành đổi mới.

**b. Khách quan**

- Những thay đổi của tình hình thế giới và quan hệ giữa các nước do tác động của cách mạng khoa học - kỹ thuật.

- Cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng của Liên Xô và các nước XHCN khác, nên Đảng và Nhà nước ta phải đổi mới.

=> *Đổi mới là vấn đề cấp thiết và có ý nghĩa sống còn đối với CNXH ở nước ta, đồng thời phù hợp với xu thế chung của thời đại*

**2. Nội dung đường lối đổi mới**

*- Đường lối đổi mới đề ra lần đầu tiên tại Đại hội VI (12-1986*), được điều chỉnh, bổ sung và phát triển tại Đại hội VII (1991), VIII (1996), IX (2001).

*- Quan điểm của Đảng về đổi mới:*

 + Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu của CNXH, mà làm cho những mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.

*+ Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ*, từ kinh tế và chính trị đến, tư tưởng, văn hóa. Đổi mới *kinh tế đi đôi với chính trị*, nhưng *trọng tâm là đổi mới kinh tế*.

**- Về kinh tế**

 + *Xóa bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung, bao cấp*, hình thành cơ chế thị trường

 + *Xây dựng nền kinh tế quốc dân* với cơ cấu nhiều ngành, nghề, nhiều quy mô, trình độ công nghệ.

 + *Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần* theo định hướng XHCN

 + Mở rộng quan hệ *kinh tế đối ngoại.*

**- Về chính trị**

 + *Xây dựng Nhà nước XHCN*, Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

 + *Xây dựng nền dân chủ XHCN*, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

 + Thực hiện *chính sách đại đoàn kết dân tộc*, chính sách đối ngoại *hòa bình, hữu nghị, hợp tác.*

**2. Thực hiện kế hoạch 5 năm (1986 - 1990)**

**a. Đại hội VI (12 - 1986) mở đầu công cuộc đổi mới**

- Đại hội VI 12/1986), đó xác định đổi mới là 1 quá trình lâu dài và gian khổ, trải qua nhiều chặng đường, ma ta đang ở chặng đầu tiên

*- Nhiệm vụ trước mắt* của toàn Đảng, toàn dân là: tập trung sức người, sức của thực hiện ***Ba chương trình kinh tế lớn: lương thực- thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu*.**

**b. Kết quả bước đầu của công cuộc đổi mới**

Thành tựu của việc thực hiện mục tiêu của Ba chương trình kinh tế.

- **Về lương thực thực phẩm**:

 + *Từ thiếu ăn, phải nhập lương thực*, năm 1988 nhập 45 vạn tấn gao

 *+ Năm 1989* chúng ta *đã đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu*

 + Sản lượng lương thực từ 19, 5 triệu tấn (1988) lên 21, 4 triệu tấn/1989.

- **Hàng hóa trên thị trường**:

 +H*àng tiêu dùng dồi dào, đa dạng, lưu thông tương đối thuận lợi,* có tiến bộ về mẫu mã, chất lượng.

 + Các cơ sở sản xuất gắn chặt với nhu cầu thị trường, phần bao cấp của Nhà nước giảm đáng kể.

*-* ***Kinh tế đối ngoại****mở rộng về quy mô và hình thức.*

 + Từ 1986 – 1990, *hàng xuất khẩu tăng gấp 3 lần*,

 + Năm 1989, tăng thêm 1 số mặt *hàng x/k có giá trị như gạo, dầu thô, hàng thủy sản…*tiến tới mức cân bằng giữa xuất và nhập khẩu.

- Kiềm chế được một bước lạm phát, từ 20% (1986) còn 4, 4% (1990).

- Hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước.

**- Chính trị**: Bộ máy Nhà nước ở trung ương và địa phương được sắp xếp lại, theo hướng phát huy dân chủ nội bộ và quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường quyền lực của các cơ quan dân cử.

=> Những thành tựu bước đầu của công cuộc đổi mới chứng tỏ *đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp*.

**c. Hạn chế:**

- Nền kinh tế còn mất cân đối, lạm phát còn cao, lao động thiếu việc làm...

- Chế độ tiền lương bất hợp lý.

- Sự nghiệp văn hóa có những mặt tiếp tục xuống cấp, tệ nạn tham nhũng, hối lộ...chưa được khắc phục.

 BÀI 22. NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ XÂM LƯỢC. NHÂN DÂN MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU,VỪA SẢN XUẤT (1965-1973)

Câu 1. Trong cuộc phản công mùa khô lần thứ hai của Mĩ (1966-1967), cuộc hành quân nào lớn nhất?

A. Át –tơn -bô-rơ. B. Xê-đa-phôn.

C. Gian-xơn-xi-ti. D. Ánh sáng sao.

Câu 2. Sau khi hiệp định Pari ký kết, tình hình ở miền Nam như­ thế nào?

A. Mĩ đã “cút” nh­ưng ngụy ch­ưa “nhào”.

B. Cả Mĩ Ngụy đều bị thất bại.

C. Ta đã dành thắng lợi ở Tây Nguyên.

D. Ta kết thúc thắng lợi về quân sự và ngoại giao.

Câu 3. Chiến thắng quân sự nào của ta làm phá sản về cơ bản “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ?

A. Chiến thắng Ấp Bắc. B. Chiến thắng Bình Giã.

C. Chiến thắng Đồng Xoài. D. Chiến thắng Ba Gia.

Câu 4: Cuộc hành quân mang tên “Ánh sáng sao” được tiến hành trong chiến lược chiến tranh nào của Mĩ?

A. Chiến tranh đơn phương. B. Chiến tranh đặc biệt.

C. Chiến tranh cục bộ. D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 5. Lực lượng giữ vai trò quan trọng trong chiến lược “chiến tranh cục bộ” là

A. quân đội Sài Gòn. B. quân viễn chinh Mĩ.

C. quân chư hầu. D. lính đánh thuê.

Câu 6. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) đã chứng tỏ

A. quân ta đã đánh bại chiến lược chiến tranh cục bộ của Mĩ.

B. bộ đội chủ lực của ta đủ khả năng đánh bại quân viễn chinh Mĩ.

C. cách mạng miền Nam chuyển sang giai đoạn mới.

D. bộ đội chủ lực của ta đủ khả năng đánh bại quân đồng minh của Mĩ.

Câu 7. Đâu là ý nghĩa quan trọng nhất của Hiệp định Pari 1973?

A. Đánh cho Mĩ cút, Ngụy nhào.

B. Phá sản hoàn toàn chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của Mĩ.

C. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho ngụy nhào.

D. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho Mĩ cút, ngụy nhào.

Câu 8. Đâu là ý nghĩa quan trọng nhất của trận “Điện Biên Phủ trên không”?

A. Buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá Miền Bắc.

B. Đánh bại âm mưu phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

C. Đánh bại âm mưu ngăn chăn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam, Lào, Căm-pu-chia.

D. Buộc Mĩ ký hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Câu 9. Thất bại trong chiến l­ược chiến tranh nào mà Mĩ phải chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta ở hội nghi Pari?

A. Trong chiến tranh đặc biệt.

B. Trong chiến tranh cục bộ.

C. Trong Viêt Nam hóa chiến tranh.

D. Trong chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai.

Câu 10. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân dân ta đã buộc Mĩ phải

A. rút khỏi chiến tranh Việt Nam, rút hết quân về nước.

B. tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược.

C. dùng thủ đoạn ngoại giao thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô để gây sức ép với ta.

D. huy động quân đội các nước đồng minh của Mĩ tham chiến.

Câu 11. Điểm khác nhau giữa chiến lược “chiến tranh cục bộ” và chiến lược “chiến tranh đặc biệt” là gì?

A. Sử dụng lực lượng quân viễn chinh Mĩ, quân chư hầu và tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc.

B. Sử dụng cố vấn Mĩ, vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mĩ.

C. Là loại hình chiến tranh thực dân mới nhằm chống lại cách mạng miền Nam.

D. Là loại hình chiến tranh thực dân mới nhằm mở rộng chiến tranh trên toàn Đông Dương.

Câu 12. Chiến thắng nào được coi là “Ấp Bắc” đối với quân đội Mĩ?

A. Chiến thắng trong mùa khô 1965-1966.

B. Chiến thắng trong mùa khô 1966-1967.

C. Chiến thắng Vạn Tư­ờng (1965).

D. Chiến thắng tết Mậu Thân (1968).

Câu 13: Chiến thắng Vạn Tường ( 18- 8- 1965 ) đã chứng tỏ điều gì?

A. Lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đủ sức đương đầu và đánh bại quân viễn chinh Mỹ.

B. Lực lượng vũ trang miền Nam đã trưởng thành.

C. Quân viễn chinh Mỹ đã mất khả năng chiến đấu.

D. Cách mạng miền Nam đã giành thắng lợi trong việc đánh bại “ chiến tranh cục bộ “ của Mĩ.

Câu 14: Ngày 06-06-1969 gắn liền với sự kiện nào trong lịch sử dân tộc ta?

A. Phái đoàn ta do Phạm Văn Đồng dẫn đầu đến Hội nghị Pari.

B. Hội nghị cấp cao ba nưóc Đông Dương.

C. Mĩ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc lần hai.

D. Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời.

Câu 15: Điểm khác nhau giữa “Chiến tranh đặc biệt” và “Việt nam hóa chiến tranh” là gì?

A. Hình thức chiến tranh thực dân mới của Mĩ.

B. Có sự phối hợp đáng kể cuả lực lượng chiến đấu Mĩ.

C. Dưới sự chỉ huy cuả hệ thống cố vấn quân sự Mĩ.

D. Sử dụng lực lượng chủ yếu là quân nguỵ.

**Câu 16.**Chiến thắng nào của quân dân miền Nam trong giai đoạn 1965 - 1968, tác động mạnh nhất đến nhân dân Mĩ?

A. Trận Vạn Tường (18 - 8 - 1965).

B. Chiến thắng mùa khô (1965 - 1966).

C. Chiến tháng mùa khô (1966 - 1967).

D. Tổng tiến công tết Mậu Thân (1968).

**Câu 17.** Mĩ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc nhằm:

A. "Trả đũa" việc quân giải phóng miền Nam tiến công doanh trại Mĩ ở Plâycu.

B. Phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng, công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

C. Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc.

D. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ta.

**Câu 18.** Nhiệm vụ cơ bản của miền Bắc trong thời kì 1965 - 1968?

A. Chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ.

B. Đảm bảo giao thông vận tải thường xuyên thông suốt, phục vụ chiến đấu, sản xuất và đời sống.

C. Vừa chiến đấu, vừa sản xuất và thực hiện nhiệm vụ hậu phương lớn.

D. Hỗ trợ cho cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam.

**Câu 19.**Thời điểm nào Giôn-xơn tuyên bố ngừng chiến tranh phá hoại miền Bắc?

A. 1 - 9 - 1968.       B. 1 - 10 - 1968.

C. 1 - 11 - 1968.       D. 1 - 12 - 1968.

**Câu 20.**Câu nói "Không có gì quý hơn độc lập tự do" được Bác Hồ nói trong thời gian nào?

A. Hội nghị Chính trị đặc biệt (3 - 1964).

B. Văn kiện Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 12 (12 - 1965).

C. Lời kêu gọi kháng chiến chống Mĩ (17 - 7 - 1966).

D. Kì họp thứ hai Quốc hội khoá III (4 - 1965).

**Câu 21.** Ý nghĩa lớn nhất của việc miền Bắc đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ là gì?

A. Thể hiện quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ của quân dân ta.

B. Làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mĩ.

C. Bảo vệ miền Bắc.

D. Đánh bại âm mưu phá hoại miền Bắc của đế quốc Mĩ, miền Bắc tiếp tục làm nhiệm vụ của hậu phương lớn.

**Câu 22.** Vì sao Mĩ buộc phải tuyên bố ngừng hẳn ném bom, bắn phá miền Bắc lần thứ nhất?

A. Bị thất bại trong "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam.

B. Bị thất bại nặng nề trong chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. Bị nhân dân Mĩ và nhân dân thế giới lên án.

D. Bị thiệt hại nặng nề ở 2 miền Nam - Bắc cuối 1968.

**Câu 23.** Thắng lợi của quân dân miền Bắc trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ đã có tác dụng như thế nào đối với cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta?

A. Khẳng định quyết tâm chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta, góp phần làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ.

B. Buộc Mĩ phải rút quân Mĩ và quân Chư hầu của Mĩ về nước.

C. Buộc Mĩ phải chấp nhận đàm phán với ta ở Pa-ri.

D. Buộc Mĩ phải chấp nhận ký kết hiệp định Pa-ri.

**Câu 24.** Nguồn lực chi viện cùng chiến thắng của quân dân miền Bắc đã góp phần quyết định vào thắng lợi của quân dân miền Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến lược chiến tranh nào của Mĩ - ngụy?

A. Chiến lược "Chiến tranh đơn phương".

B. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt".

C. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ".

D. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh".

**Câu 25.**Trong giai đoạn chiến tranh phá hoại (1965 – 1966) lý do nào cơ bản nhất nhất miền Bắc phân tán công nghiệp Trung ương, đẩy mạnh công nghiệp địa phương?

A. Đảm bảo cho nhu cầu chiến đấu tại chỗ.

B. Đảm bảo đời sống cho nhân dân địa phương.

C. Hạn chế được sự tàn phá của chiến tranh.

D. Miền Bắc phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hậu phương lớn.

**Câu 26.**Tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc – Nam trên bộ còn có tên gọi là:

A. Đường mòn Hồ Chí Minh.

B. Đường Trường Sơn.

C. Đường 5 -1959.

D. Cả ba phương án trên.

**Câu 27.** Lực lượng nào chủ yếu để tiến hành chiến tranh trong chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh"?

A. Quân đội Mĩ.

B. Quân đội Sài Gòn.

C. Quân đội Mĩ và đồng minh.

D. Quân đội Mĩ và quân đội Sài Gòn.

**Câu 28.**Âm mưu cơ bàn của chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh?

A. Rút dần quân Mĩ về nước.

B Tận dựng xương máu người Đông Dương.

C. Đề cao học thuyết Ních-Xơn.

D. "Dùng người Việt đánh người Việt".

**Câu 29.** Trong hai ngày 24, 25 - 4 - 1970, Hội nghị cấp cao 3 nước Đông Dương họp nhằm mục đích:

A. Ra quyết tâm cùng kháng chiến chống Mĩ.

B. Vạch trần âm mưu "Đông Dương hoá chiến tranh" của đế quốc Mĩ.

C. Đối phó với âm mưu của đế quốc Mĩ và biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mĩ của ba nước Đông Dương.

D. Xây dựng căn cứ địa kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương.

**Câu 30.** Đập tan cuộc hành quân "Lam Sơn -719" (12 đến 23 - 3 - 1971) có Sự phối hợp của quân đội các nước:

A. Quân đội Việt Nam, quân dân Lào.

B. Quân đội Việt Nam, quân dân Campuchia.

C. Quân đội Việt Nam, Lào, Campuchia.

D. Quân dân Lào, Campuchia.

**Câu 31.** Thắng lợi của quân ta phối hợp với quân Lào trong việc đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 tại đường 9 Nam Lào đã mang lại kết quả:

A. Loại khỏi vòng chiên đấu 45.000 tên Mĩ - ngụy, giữ vững hành lang chiến lược cách mạng ở Đông Dương.

B. Loại khỏi vòng chiến đấu 22.000 tên Mĩ.

C. Làm thất bại chiến lược "Đông Duong hoá" chiến tranh của Mĩ.

D. Làm thất bại chiến lược "Việt Nam hoá" và "Đông Dương hoá" chiến tranh của Mĩ.

**Câu 32.**Nguyên nhân nào cơ bàn nhất để ta mờ cuộc tiến công chiến lược 1972?

A. Ta giành thắng lợi trên các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao trong 3 năm 1969, 1970,1971.

B. Nước Mĩ nảy sinh nhiều mâu thuẫn qua cuộc bầu cừ Tống thống.

C. Địch chủ quan do phán đoán sai thời gian, quy mô và hướng tiến công của ta.

D. Chính quyền Sài Gòn gặp nhiều khó khăn.

**Câu 33.**Vì sao Mĩ buộc phải tuyên bô "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược vá thừa nhận sự thất bại của "Việt Nam hóa" chiến tranh?

A. Do thắng lợi liên tiếp của ta trên các mặt trận quân sự, trong ba năm 1969,1970,1971.

B. Sau đòn tấn công bất ngờ, choáng váng của ta trong cuộc tiến công chiến lược 1972 (mở đầu 30 - 3 - 1972).

C. Thắng lợi của ta trên mặt trận ngoại giao ở Pa-ri.

D. Do thắng lợi của nhân dân miền Bắc khắc phục hậu quả chiến phá hoại lần nhất, tiếp tục chi viện không ngừng cho miền Nam.

**Câu 34.**Ý nghĩa lịch sử nào là cơ bản nhất của cuộc tiến công chiến 1972?

A. Đã mở ra một bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân ta.

B. Đã giáng một đòn nặng nề vào chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".

C. Đã giáng một đòn nặng nề vào quân đội Sài Gòn (công cụ chủ yếu) của Mĩ.

D. Buộc Mĩ tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược, phải thừa nhận thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".

**Câu 35.**Thắng lợi lớn nhất của quân và dân miền Bấc trong trận "Điện Biên Phủ trên không" là:

A. Buộc Mĩ phải tuyên bố ngùng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc.

B. Đánh bại âm mưu phá hoại công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

C. Đánh bại âm mưu ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam, Lào, Campuchia.

D. Buộc Mĩ kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam.

**Câu 36.** Trong các điều khoản của nội dung Hiệp định Pari, điều khoản, nào có ý nghĩa nhất đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam?

A. Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

B. Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân Đồng minh, phá hết căn cứ quân sự, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vả công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

C. Các bên để nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do.

D. Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

**Câu 37.**Tình hình nhiệm vụ của miền Bắc thời kì 1973 - 1975 có gì khác trước?

A. Khắc phục hậu quả chiến tranh.

B. Khôi phục phát triển kinh tế-văn hoá.

C. Tiếp tục chi viện cho miền Nam và chiến trường Lào, Campuchia.

D. Không làm nhiệm vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mĩ.

**Câu 38.**Hoàn cảnh lịch sử nào sau Hiệp định Pa – ri có ảnh hưởng trực tiếp đến miền Bắc ?

A. Quân Mĩ và Đồng minh rút hết về nước.

B. So sánh lực lượng ở miền Nam có lợi cho ta.

C. Miền Bắc trở lại hoà bình.

D. Miền Bắc tiếp tục chi viện cho miền Nam.

**Câu 39.**Toán lính Mĩ cuối cùng rút khỏi nước ta vào ngày :

A. 21 – 7 – 1973       B. 29 – 7 – 1973

C. 27 – 3 -1973        D. 29 – 3 - 1973

**BÀI 23. KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI Ở MIỂN BẮC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973-1975)**

Câu 1: Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 tháng 7 năm 1973 đã nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là

A. tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

B. chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

C. hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

D. chuyển sang giai đoạn đấu tranh hòa bình để thống nhất đất nước.

Câu 2. Hội nghị lần thứ 21 (7 - 1973) của Đảng chủ trương đấu tranh trên những mặt trận nào?

A. Chính trị, quân sự. B. Chính trị, ngoại giao.

C. Quân sự, chính trị, ngoại giao.D.Quân sự, ngoại giao.

Câu 3. Chiến thắng Phước Long đã giúp Bộ Chính trị bổ sung và hoàn chỉnh kế hoạch giải phóng miền Nam với nội dung là

A. giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975.

B. tiến hành tổng công kích - tổng khởi nghĩa giải phóng miền Nam trong năm1976.

C. nếu thời cơ đến thì lập tức giải phóng miền Nam trước mùa mưa (trước tháng 5 - 1975).

D. đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm (1975 - 1976)..

Câu 4. Chiến dịch nào đã mở màn cho đại thắng mùa Xuân năm 1975?

A. Tây Nguyên. B. Trị Thiên.

C. Huế - Đà Nẵng. D. Hồ Chí Minh.

Câu 5. Thắng lợi nào đã mở ra kỉ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam: kỉ nguyên độc lập dân tộc, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội?

A. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

B. Thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954.

C. Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954.

D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Câu 6: Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, ngày 26 tháng 4 năm 1975 gắn liền với sự kiện nào?

A. Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu.

B. Quần đảo Trường Sa được giải phóng.

C. Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện.

D. Miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Câu 7. Bộ Chính trị có quyết định giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam trong thời gian nào?

A. Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc.

B. Chiến dịch Tây Nguyên đang tiếp diễn.

C. Huế - Đà Nẵng được giải phóng.

D. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng đang tiếp diễn.

Câu 8. 10 giờ 45 phút ngày 30-4-1975, ở Sài Gòn diễn ra sự kiện gì?

A. Năm cánh quân của ta tiến vào trung tâm Sài Gòn.

B. Xe tăng và bộ binh của ta tiến vào Dinh Độc Lập.

C. Lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Câu 9. Tinh thần “đi nhanh đến, đánh nhanh thắng’’ với khí thế “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng’’ là của chiến dịch nào trong năm 1975?

A. Chiến dịch Tây Nguyên.

B. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

C. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

D. Chiến dịch Tây Nguyên và Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

Câu 10. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 đã lần lượt trải qua các chiến dịch

A. Tây Nguyên, Huế – Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.

B. Huế – Đà Nẵng, Tây Nguyên, Hồ Chí Minh.

C. Tây Nguyên, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.

D. Đà Nẵng, Tây Nguyên, Hồ Chí Minh.

Câu 11. Ý nào dưới đây không phải là nguyên nhân khách quan làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975)?

A. Nhân dân ta nhận được sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Miền Bắc hoàn thành xuất sắc vai trò nghĩa vụ hậu phương.

C. Việt Nam nhận được sự ủng hộ, cổ vũ to lớn của các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

D. Sự đoàn kết trong liên minh chiến đấu của nhân dân 3 nước Đông Dương

**Câu 12.** Tình hình nước ta sau Hiệp dinh Pari ?

A. Hoà bình dã trở lại trên Miền ĐắC.

B. Quân Mĩ và quân chư hầu đã rút khởi Miền Nam.

C. So sánh lực lượng ở Miền Nam có lợi cho cách mạng.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 13.** Sau hai năm 1973 – 1974, tình hình chung ở miền Bắc như thế nào ?

A. Miền Bắc đã hoàn thành các nghĩa vụ của hậu phương lớn với tiền tuyến lớn Miền Nam.

B. Miền Bắc căn bản hoàn thành công cuộc khôi phục sau chiến tranh, kinh tế bước đầu có phát triển.

C. Miền Bắc đã bắt tay vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ hai.

D. Miền Bắc đã hoàn thành kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ III.

**Câu 14.**Những năm nào được đánh giá kinh tế miền Đắc đạt mức cao nhất trong 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội (từ 1954 đến 1975) ?

A.Năm 1963, 1967.         B. Năm 1964, 1971.

C.Năm 1963, 1970.         D. Năm 1965, 1970.

**Câu 15.**Trong 2 năm 1973 - 1974, miền Bắc đã thực hiện nghĩa vụ hậu phương với tiền tuyến như thế nào ?

A. Miền Bắc đã đưa vào chiến trường hơn 26 vạn tấn vũ khí, lương thực, xăng dầu...

B. Miền Bắc đã đưa vào chiến trường Miền Nam 57.000 bộ đội.

C. Miền Bắc đã đưa vào chiến trường Miền Nam, Lào, Campuchỉa gần 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phung, cán bộ chuyên môn, kĩ thuật.

D. Miền Bắc đã đưa vào Miền Nam hơn 4,6 tấn đạn dược, 12,4 vạn tấn gạo, 3,2 vạn xăng dầu...

**Câu 16.** Tình hình miền Nam sau Hiệp định Pari năm 1973 ?

A. Quân Mĩ và chư hầu buộc phải rút khỏi Miền Nam, so sánh lực lượng ở Miền Nam thay đổi theo hướng có lợi cho cách mạng.

B. 2 vạn cố vấn quân sự Mĩ vẫn ở lại Miền Nam, Mĩ tiếp tục viện trợ quân sự lớn cho nguỵ.

C. Quân ngụy tiến hành các cuộc hành quân "xoá bỏ hình thái da báo"... nên lại một số địa bàn quan trọng chứng ta đã bị mất đất, mất dân.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 17.** Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 đã họp vào khi nào?

A. Tháng 7/1973.         B. Tháng 3/1973.

C. Tháng 7/1972.         D. Tháng 12/1972.

**Câu 18**Điền thêm từ còn thiếu trong câu sau : “Trong bất cử tình hình nào cũng phải tiếp tục con đường ... phải nắm vững chỉến lược tiến công, kiên quyết đánh địch trên cả ba mặt trận : quân sự, chính trị, ngoại giao".

A. Chiến tranh cách mạng.

B. Cách mạng bạo lực.

C. Cách mạng giải phóng dân tộc.

D. Đấu tranh thống nhất đất nước.

**Câu 19.**Hình thức đấu tranh của cách mạng Miền Nam sau khi kí Hiệp định Pari năm 1973 có gì khác so với thời kì sau khi kí Hiệp định Giơnevơ năm 1954 ?

A. Sau khi kí Hiệp định Pari 1973, Miền Nam không có đấu tranh quân sự.

B. Sau khi kí Hiệp định Pari năm 1973, Mĩén Nam chỉ tập trung đấu tranh chính trị.

C. Sau khi kí Hiệp định Pari năm 1973, Miền Nam chỉ tập trung đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh ngoại giao.

D. Sau khi kí Hiệp định Pari năm 1973, Miền Nam vừa đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị và đấu tránh ngoại giao.

**Câu 20.**Thái độ của Mĩ sau khỉ mất Phước Long (6 - 1 - 1975)?

A. Phản ứng mạnh.

B. Phản ứng mang tính chất thăm dò.

C. Phản ứng yếu ớt.

D. Không phản ứng gì.

**Câu 21** Chiến thắng Phước Long là cơ sở quan trọng để ta khẳng định điều gì ?

A. Thế và lực của Quân đội Sài Gòn dã suy yếu rõ rệt.

B. Khả năng quay lại của Quân đội Mĩ không còn nữa.

C. Khả năng có thể tiến hành giải phóng Miền Nam có thể tiến hành với nhịp độ nhanh hơn, mạnh hơn.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 22.** Chiến dịch Tây Nguyên đã diễn ra trong khoảng thời gian nào ?

A. Từ ngày 4/3 đến ngày 24/3/1975.

B. Từ ngày 10/3 đến ngày 24/3/1975.

C. Từ ngày 10/3 đến ngày 20/3/1975.

D. Từ ngày 4/3 đến ngày 20/3/1975.

**Câu 23.**Ý nghĩa của chiến thắng Tây Nguyên?

A. Là chiến thắng lớn, có ý nghĩa quyết định nhất cho cuộc tiến công giải phóng hoàn toàn Miền Nam.

B. Là chiến thẳng lớn nhất trong cuộc đấu tranh chống Mĩ cứu nước của dân tộc ta.

C. Là chiến thắng có ý nghĩa lịch sử quan trọng - mở ra thời kì quân ta thực hiện các cuộc Tiến công chiến lược năm để giải phóng Miền Nam.

D. Chiến thắng này đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước sang giai đọan mới - tiến hành Tổng tiến công chiến lược trên toàn Miền Nam.

**Câu 24.**Quyết định của chính quyền Sài Gòn sau khi mất thị xã Buôn Ma Thuột?

A. Quyết tâm tử thủ Tây Nguyên.

B. Chấp nhận bỏ Buôn Ma Thuột để bảo vệ các vùng còn lại của Tây Nguyên.

C. Rút bỏ toàn bộ Tây Nguyên về giữ vùng duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Chấp nhận rút bỏ vùng Bắc Tây Nguyên để về giữ vùng duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 25** Khi nào tỉnh Thừa Thiên - Huê được giải phóng?

A. Ngày 21 - 3 - 1975.

B. Ngày 26 - 3 - 1975.

C. Ngày 19-3- 1975.

D. Ngày 29-3- 1975.

**Câu 26.** Chiến dịch Huế - Đà Nẵng diễn ra trong khoảng thời gian nào ?

A. Từ ngày 21/3 đến ngày 29/3/1975.

B. Từ ngày 19/3 đến ngày 28/3/1975.

C. Từ ngày 20/3 đến ngày 30/3/1975.

D. Từ ngày 21/3 đến ngày 28/3/1975.

**Câu 27.** Chiến dịch Hồ Chí Minh diễn ra trong khoảng thời gian nào ?

A.Từ ngày 16/4 đến ngày 30/4/1975.

B. Từ ngày 26/4 đến ngày 30/4/1975.

C. Từ ngày 9/4 đến ngày 30/4/1975.

D. Từ ngày 21/4 đến ngày 30/4/1975.

**Câu 28.**Ai là Tổng thống cuối cùng của Chính phủ Sài Gòn ?

A. Nguyễn Vãn Thiệu.         B. Nguyễn Cao Kì.

C. Trần Văn Hương.         D. Dương Văn Minh.

**Câu 29.**Ai là người đầu liên cắm lá cờ trên nóc Dinh Độc lập ngày 30/4/1975?

A. Đãng Toàn.         B. Bùi Quang Thận.

C. Nguyễn Văn Tập.         D. Hoàng Đăng Vinh.

**Câu 30**Vì sao nói cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân ta là một cuộc dụng đầu lịch sử ?

A. Vì đây là cuộc đấu tranh của một dân tộc nhược tiểu chống lại một đế quốc số 1 thế giới.

B. Vì đây là một cuộc chiến tranh xâm lược, phi nghĩa đứng về phía Mĩ - một đại diện cho chủ nghĩa đế quốc.

C. Vì đây là một cuộc chiến phản ánh tập trung những mâu thuẫn cơ bản của thời đại.

D. Vì đây là một cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa thực dân mới của Mĩ, thực hiện giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước đầu tiên giành thắng lợi.

**Câu 31.**Sau chiến thắng Tây Nguyên, ngày 25/3/1975, Trung ương đã họp và ra nghị quyết khẳng định : "Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí, kĩ thuật và vật chất giải phóng Miền Nam trước ... ".

A. Trước mùa đông 1975.

B. Trước mùa khô 1975.

C. Trước mùa thu 1975.

D. Trước mùa mua 1975.

**Câu 32**Âm mưu thâm độc nhất của Mĩ sau Hiệp định Pa-ri?

A. Rút nhỏ giọt quân Mĩ về nước.

B. Để lại quân đồng minh ở lại chiến đấu ở miền Nam.

C. Giữ lại hơn 2 vạn cố vấn quân sự.

D. Viện trợ cho chính quyền Sài Gòn để tiếp tục thực hiện chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh.

**Câu 33**Điều nào sau đây chứng tỏ chính quyền, quân đội Sài Gòn phá hoại Hiệp định Pa-ri?

A. Tiến hành chiến dịch "tràn ngập lãnh thổ", mở những cuộc hành quân "bình định - lấn chiếm" vùng giải phóng.

B. Nhận viện trợ kinh tế của Mĩ.

C. Nhận viện trợ quân sự của Mĩ.

D. Lập Bộ chỉ huy quân sự.

**Câu 34.** Cuối 1974 đầu 11975, ta mở đợt hoạt động quân sự Đông - Xuân trọng tâm là đâu?

A. Đồng bằng Nam bộ.

B. Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam bộ.

C. Trung bộ và Khu V.

D. Mặt trận Trị - Thiên.

**Câu 35.**Thắng lợi tiêu biểu nhất trong các hoạt động quân sự Đông - Xuân 1974 - 1975 là :

A. Chiến thắng Đường 9 - Nam Lào.

B. Đánh bại cuộc hành quân "Lam Son 719" của Mĩ và quân đội Sài Gòn.

C. Chiến dịch Đường 14 - Phước Long.

D. Chiến dịch Tây Nguyên.

**Câu 36**Sau Hiệp định Pa-ri, so sánh lực lượng giữa ta và địch đã thay đối. Điều nào sau đây không đúng?

A. Quân Mĩ và Đồng minh rút về nước, chính quyền Sài Gòn mất chỗ dựa.

B. Viện trợ của Mĩ về quân sự, kinh tế, tài chính tăng gấp đôi.

C. Miền Bấc hoà bình có điều kiện đẩy mạnh sản xuất, tăng tiềm lực kinh tế, quốc phòng chi viện cho miền Nam.

D. Miền Nam vùng giải phóng được mở rộng, sản xuất đẩy mạnh, tăng nguồn lực tại chỗ.

**Câu 37**Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng, từ cuối 1973 đến 1 - 1975 quân dân ta đã:

A. Kiên quyết đánh trả địch trong các cuộc hành quân "bình định - lấn chiếm".

B. Bảo vệ, mở rộng vùng giải phóng.

C. Giải phóng Đường 14, thị xã và toàn tỉnh Phước Long.

D. Giải phóng Buôn Ma Thuột.

**Câu 38.**Kế hoạch giải phóng miền Nam được bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra trong 2 năm, đó là 2 năm nào?

A. 1972 - 1973.         B. 1973 - 1974.

C. 1975 - 1976.         D. 1976- 1977.

**Câu 39.**Chủ trương, kế hoạch giải phóng Miền Nam khẳng định tính đúng đắn và linh hoạt trong lãnh đạo của Đảng thể hiện ở điểm nào?

A. Trong năm 1975 tiến công địch trên quy mô rộng lớn.

B. Năm 1976, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

C. Nếu thời cơ đến đầu hoặc cuối 1975, thi lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

D. Tranh thủ thời cơ, đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hoá... giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh

**Câu 40**Hoàn cảnh lịch sử nào là thuận lợi nhất để từ đó Đảng đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam?

A. Quân Mĩ và quân Đồng minh đã rút khỏi miền Nam, ngụy mất chỗ dựa.

B. So sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta, nhất là sau chiến thắng Phước Long.

C. Khả năng chi viện của miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam.

D. Mĩ cắt giảm viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.

**Câu 41.**Bất kì trong tình huống nào, con đường giành thắng lợi của cách mạng miền Nam cũng là con đường bạo lực, ngoài ra không có đường nào khác. Hãy nêu xuất xứ câu nói trên.

A. Trong Hội nghị lần thứ 15 của Đảng (1 - 1959).

B. Trong Hội nghị lần thứ 21 của Đảng (7 - 1973).

C. Trong Hội nghị Bộ Chính trị (30 - 9 đến 7 - 10 - 973).

D. Trong Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng (18 - 12 - 1974 đến 8 - 1 – 1975).

.**GIAI ĐOẠN 1975 – 2000 (Bài 24 và bài 26)**

Câu 1: Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của Việt Nam là gì?

A. Khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.

B. Ổn định tình hình chính trị - xã hội ở miền Nam.

C. Thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.

D. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

Câu 2:Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, cách mạng ở hai miền Nam – Bắc Việt Nam có thuận lợi cơ bản là

A. các nước xã hội chủ nghĩa tiếp tục ủng hộ nước ta.

B. đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

C. cách mạng xã hội chủ nghĩa đạt được những thành tựu to lớn.

D. cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của Mĩ chấm dứt.

Câu 3: Sau đại thắng mùa Xuân 1975, khó khăn lớn nhất về chính trị của Việt Nam là gì?

A. Miền Nam đã giải phóng nhưng những di hại của xã hội cũ vẫn tồn tại.

B. Hai miền Nam – Bắc vẫn tồn tại hai hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.

C. Chiến tranh kết thúc nhưng đất nước vẫn gánh chịụ những hậu quả nặng nề.

D. Số người thất nghiệp lên tới hàng triệu người.

Câu 4: Nguyện vọng tha thiết nhất của nhân dân hai miền Nam – Bắc Việt Nam sau năm 1975 là

A. sớm được sum họp trong một đại gia đình, có một chính phủ thống nhất.

B. giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

C. hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển kinh tế.

D. đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 5:Sự kiện nào biểu hiện quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước Việt Nam sau 1975?

A. Hội nghị Hiệp thương của đại biểu hai miền Bắc Nam tại Sài Gòn (11-1975).

B. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất kì họp đầu tiên (24-6 đến 02-07-1976).

C. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước (25 - 04 - 1976).

D. Đại hội lần thứ nhất Mặt trận tổ quốc Việt Nam (31/1 đến 4/2/1977).

Câu 6: Ngày 25 - 04 - 1976 đã diễn ra sự kiện **nào** ở Việt Nam?

A. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất.

B. Cuộc Tổng tuyển cử của cả nước lần thứ nhất.

C. Cuộc Tổng tuyển cử của cả nước lần thứ hai.

D. Hội nghị Hiệp thương thống nhất đất nước.

Câu 7:Tên nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời trong thời điểm lịch sử nào?

A. Trong Tuyên ngôn độc lập (02 - 09 - 1945).

B. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9/1975)

C. Kì họp đầu tiên Quốc hội khóa VI (7/1976)

D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12/1976)

Câu 8:Ngày 2 tháng 7 năm 1976 gắn với sự kiện lịch sử nào của Việt Nam?

A. Hội nghị hiệp thương chính trị hai miền Nam – Bắc.

**B.** Ngày nước ta lấy tên là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

C. Nước ta được công nhận là thành viên của Liên hợp quốc.

D. Trở thành thành viên của tổ chức ASEAN.

Câu 9: Ngày 20 – 09 – 1977 Việt Nam trở thành thành viên của tổ chức quốc tế nào sau đây?

A. WTO B. Liên hợp quốc C. APEC D. ASEM

Câu 10: Từ ngày 15 đến ngày 21 – 11- 1975, Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước tại Sài Gòn đã nhất trí hoàn toàn các vấn đề gì?

A. Chủ trương, biện pháp nhằm thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

B. Nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

C. Lấy tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

D. Việc mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

Câu 11: Nội dung nào dưới đây là nguyên nhân dẫn đến công cuộc đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1986?

A. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội.

B. Nửa triệu hecta ruộng đất bị bỏ hoang.

C. Đời sống nhân dân không ổn định.

D. Kinh tế mất cân đối, lạm phát tăng.

Câu 12: Đại hội VI của Đảng cộng sản Việt Nam họp vào thời gian nào?

A. Từ ngày 15 đến ngày 18/12/1985.

B. Từ ngày 10 đến ngày 18/12/1986.

C. Từ ngày 15 đến ngày 18/12/1986.

D. Từ ngày 20 đến ngày 25/12/1986.

Câu13: Mục tiêu Ba chương trình kinh tế “lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu” được đề ra tại Đại hội Đảng nào?

A. Đại hội IV

B. Đại hội V

C. Đại hội VI

D. Đại hội VII

Câu 14: Nội dung cơ bản của đường lối đổi mới của Đảng cộng sản Việt Nam tháng 12 năm 1986 là

A. đổi mới về kinh tế, văn hóa, chính trị, ngoại giao.

B. đổi mới về kinh tế chính trị, văn hóa, tư tưởng.

C. đổi mới về kinh tế, tổ chức, tư tưởng, ngoại giao.

D. đổi mới về kinh tế, chính trị, tổ chức, tư tưởng, văn hóa.

Câu 15: Đại hội nào của Đảng cộng sản Việt Nam đi vào lịch sử là Đại hội đổi mới toàn diện?

A. Đại hội IV (12/1976)

B. Đại hội V (3/1982)

C. Đại hội VI (12/1986)

D. Đại hội VII (6/1991)

Câu 16: Trong những thành tựu bước đầu của công cuộc đổi mới đất nước năm 1986, thành tựu nào quan trọng nhất?

A. Thực hiện được mục tiêu 3 chương trình kinh tế.

B. Phát triển kinh tế đối ngoại.

C. Kiềm chế được lạm phát.

D. Từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Câu 17: Theo quan điểm của Đại hội VI, nhiệm vụ và mục tiêu của chặng đường đầu tiên trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam là gì?

A. Tăng trưởng và phát triển kinh tế nhiều thành phần.

B. Giải quyết 3 chương trình, mục tiêu kinh tế.

C. Ổn định tình hình kinh tế - xã hội.

D. Ổn định kinh tế - chính trị - xã hội.

Câu 18. Trong lĩnh vực đổi mới về kinh tế, Đảng cộng sản Việt Nam lấy yếu tố nào làm mặt trận hàng đầu?

A. Nông nghiệp.

B. Phát triển thương nghiệp.

C. Phát triển công nghiệp nhẹ

D. Phát triển công nghiệp nặng.